

Số: /TB-SKHCN

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2023

Căn cứ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Phê duyệt Danh mục bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng cấp tỉnh năm 2023;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh thông báo đến tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện và năng lực, gửi hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo Danh mục bổ sung nhiệm vụ KH&CN đặt hàng cấp tỉnh năm 2023 đính kèm). Cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ:

Hồ sơ đóng thành quyển theo thứ tự và thành phần như sau:

- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì (bản sao có chứng thực).
- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-1-ĐƠN);
- Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ (theo Biểu B1-2a-TMĐTCN), Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (theo Biểu B1-2b-TMĐTXH), Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm (theo Biểu B1-2c-TMDA);
- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-3-LLTC);
- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN);
- Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài (Biểu B1-4-LLCN) trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuê chuyên gia);
- Văn bản xác nhận về sự đồng ý của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng kết quả

trên địa bàn tỉnh - ưu tiên sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã,... (Biểu B1-5-PHNC);

h) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

i) Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) phải có văn bản minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn đối ứng như: cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân, tổ chức để thực hiện nhiệm vụ);

j) Các tài liệu khác kèm theo, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ.

2. Căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN:

Một số văn bản có liên quan như sau:

- Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành khác;

- Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Nghị quyết số 59/2018/NQ-HĐND ngày 04/05/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Các định mức chi, lập dự toán khác không có tại các quy định trên thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Số lượng hồ sơ:

Hồ sơ được gửi đồng thời bản giấy và bản mềm (file):

- Đối với bản giấy: Số lượng gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 14 bộ photo từ bộ gốc; Toàn bộ hồ sơ được đóng gói, có niêm phong và bên ngoài ghi rõ các thông tin gồm: (1) Tên nhiệm vụ; (2) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ; (3) Họ, tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ; (4) Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

- Đối với bản mềm: File mềm được thực hiện bằng cách scan toàn bộ các tài liệu từ bản gốc thành 01 file dạng PDF duy nhất, thứ tự và thành phần sắp xếp giống với hồ sơ giấy, gửi vào địa chỉ e-mail: nvkhcntv@gmail.com.

4. Nơi nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh - Số 38, đường Nguyễn Thái Học, phường 1, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5. Thời hạn nhận hồ sơ: đến hết ngày **15/6/2023**. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày sớm nhất ghi nhận được trong các trường hợp sau: (1) ngày ghi ở dấu bưu điện nơi gửi (trường hợp gửi qua bưu điện); (2) dấu đến của văn thư Sở KH&CN (trường hợp nộp trực tiếp); (3) thời gian ghi nhận được trên e-mail. Trong khi chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tuyển chọn có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới, bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Các biểu mẫu hồ sơ và các văn bản hướng dẫn xây dựng định mức kinh phí đề nghị truy cập tại mục “THÔNG BÁO” của trang thông tin điện tử của Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh, địa chỉ: <http://www.travinh.gov.vn/wps/portal/khcn>

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 02943.864166.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Các Viện, Trường, tổ chức có liên quan;
- Công thông tin điện tử tỉnh Trà Vinh;
- Trang thông tin điện tử Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lâm Thái Hùng

**DANH MỤC BỔ SUNG NHIỆM VỤ KH&CN ĐẠT HÀNG CẤP TỈNH NĂM 2023
ĐỀ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN**

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu đối với kết quả	Phương thức tổ chức thực hiện	Dự kiến đơn vị ứng dụng kết quả
1	Đề tài: Lịch sử ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1948 - 2020.	<ul style="list-style-type: none"> - Tư liệu lịch sử ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1948 - 2020. - Xác định được lịch sử các giai đoạn phát triển công tác kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - Hoàn chỉnh được tài liệu lịch sử công tác kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1948 - 2020. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các tư liệu, tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh giai đoạn 1948 - 2020. - Các báo cáo về quá trình hoạt động của ngành Kiểm tra Đảng tỉnh Trà Vinh qua các thời kỳ: 1948 - 1975; 1975 - 1992; 1992 - 2020; Bài học kinh nghiệm. - Tài liệu lịch sử công tác kiểm tra Đảng được xuất bản. - 01 bài báo được công bố. 	Tuyển chọn (Trên cơ sở phối hợp thực hiện của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ)	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ
2	Đề tài: Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng, các yếu tố liên quan và đánh giá bước đầu hiệu quả can thiệp giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ, mức độ tình trạng dinh dưỡng và các yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh. - Thói quen và các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh. - Đánh giá được bước đầu hiệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả xác định tỷ lệ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thấp còi, gầy còm và các yếu tố liên quan ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. - Báo cáo kết quả các đặc điểm và thói quen dinh dưỡng đặc thù của từng nhóm dân tộc thiểu số và các vấn đề liên quan đến dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 	Tuyển chọn	Sở Y tế; Ban Dân tộc tỉnh; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

	5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh.	<p>quả giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Giải pháp cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>tuổi tại tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Báo cáo đánh giá hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh và các khuyến nghị can thiệp.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp cải thiện tình trạng dinh dưỡng ở người dân tộc thiểu số từ 5 đến 16 tuổi tại tỉnh Trà Vinh.</p>		
3	<p>Đề tài: Nghiên cứu nuôi cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) thương phẩm phù hợp với điều kiện tại tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>- Đánh giá khả năng thích nghi, sinh trưởng và phát triển của cá chim vây vàng trong ao nuôi ở các vùng sinh thái phù hợp tại tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao phù hợp với điều kiện tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao bằng thức ăn công nghiệp tại tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Đánh giá hiệu quả kinh tế nuôi thương phẩm cá chim vây vàng tại tỉnh Trà Vinh.</p>	<p>- Báo cáo đánh giá khả năng thích nghi, sinh trưởng và phát triển của cá chim vây vàng trong ao nuôi ở các vùng sinh thái phù hợp tại tỉnh Trà Vinh.</p> <p>- Quy trình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong ao phù hợp với điều kiện tỉnh Trà Vinh: tỷ lệ sống $\geq 80\%$; năng suất 6 – 7 tấn/ha/vụ, cỡ cá thu hoạch $\geq 0,5$ kg/con; và các thông số kỹ thuật khác (độ mặn, mật độ nuôi, thời gian nuôi, phương pháp phòng trị bệnh).</p> <p>- Mô hình nuôi thương phẩm cá chim vây vàng bằng thức ăn công nghiệp: quy mô $\geq 0,5$ ha.</p> <p>- Đào tạo, tập huấn: 05 kỹ thuật viên; 02 lớp tập huấn (30 người/lớp).</p>	Tuyển chọn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Giống; UBND thị xã Duyên Hải, UBND huyện Duyên Hải.

4	<p>Đề tài: Phát triển nuôi dòng cá tra (<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>) chịu mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình kỹ thuật ương và nuôi cá tra thương phẩm chịu mặn trong điều kiện nước lợ. - Xây dựng mô hình ương và nuôi cá tra thương phẩm chịu mặn trong điều kiện nước lợ tại tỉnh Trà Vinh. - Đánh giá hiệu quả kinh tế, chất lượng thịt, sức khỏe và kháng bệnh của dòng cá tra nước lợ nuôi thương phẩm ở tỉnh Trà Vinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình kỹ thuật ương và nuôi cá tra thương phẩm chịu mặn trong điều kiện nước lợ đến 8‰: tỷ lệ sống cá bột lên hương đạt 25 – 30%, hương lên giống đạt 85 – 90% (ương trên bề xi măng hoặc bề lót bạt) và 25 – 33% (ương trong ao đất); năng suất nuôi 300 – 400 tấn/ha/vụ; tăng trưởng và hiệu quả kinh tế giai đoạn nuôi thương phẩm đạt ít nhất tương đương với cá tra nuôi vùng nước ngọt. - Mô hình ương và nuôi cá tra chịu mặn tại tỉnh Trà Vinh: quy mô nuôi $\geq 0,5$ ha. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế, chất lượng thịt, sức khỏe và khả năng kháng bệnh của dòng cá tra nước lợ nuôi thương phẩm ở tỉnh Trà Vinh. 	Tuyên chọn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	<p>Đề tài: Phát triển mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng tại tỉnh Trà Vinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển du lịch, du lịch nông nghiệp tỉnh Trà Vinh. - Phân tích các điều kiện để phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Trà Vinh. - Xác định được 5-7 mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng, có tiềm năng phát triển ở tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển du lịch, du lịch nông nghiệp tỉnh Trà Vinh. - Báo cáo kết quả các điều kiện thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Trà Vinh. - Báo cáo Danh mục các mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng ở tỉnh Trà Vinh (5-7 mô hình). 	Tuyên chọn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		<p>Trà Vinh, ưu tiên phù hợp với nhu cầu thị trường, du khách và cộng đồng làm du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực nghiệm thí điểm 01 mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. - Đề xuất các giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp đặc trưng tại tỉnh Trà Vinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình du lịch nông nghiệp đặc trưng được hỗ trợ thí điểm. - Các giải pháp phát triển loại hình du lịch nông nghiệp đặc trưng tại tỉnh Trà Vinh. 		
6	<p>Đề tài: Nghiên cứu giải pháp công nghệ vật liệu sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn làm vật liệu đắp nền, bê tông xi măng mặt đường tại tỉnh Trà Vinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp công nghệ sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn Trà Vinh để làm vật liệu đắp nền đường K95 và K98 ở tỉnh Trà Vinh và phụ cận; - Giải pháp công nghệ sử dụng phối hợp tro bay nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn Trà Vinh để làm vật liệu bê tông mặt đường ở tỉnh Trà Vinh và phụ cận; - Xây dựng các tài liệu hướng dẫn thiết kế, thi công, nghiệm thu và định mức sử dụng vật liệu nền đường sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện và cát 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn Trà Vinh để làm vật liệu đắp nền đường K95 và K98 ở tỉnh Trà Vinh và phụ cận; - Quy trình công nghệ sử dụng phối hợp tro bay nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn Trà Vinh để làm vật liệu bê tông tro bay mặt đường ở tỉnh Trà Vinh và phụ cận; - Quy trình công nghệ thi công và nghiệm thu lớp nền đường K95, lớp gia cố tro bay và xi măng trong xây dựng đường thay K98, mặt đường bê tông tro bay; - Xây dựng được quy trình để chế tạo bê tông tro bay thương phẩm 	<p>Tuyên chọn (Trên cơ sở đối ứng kinh phí thực hiện của Công ty TNHH MTV Môi trường Vy Việt)</p>	<p>Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải; Công ty TNHH MTV Môi trường Vy Việt.</p>

		<p>nhiểm mặn; bê tông mặt đường nhiều tro bay phối hợp với cát nhiễm mặn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình thực nghiệm 100 m đoạn đường tương đương đường cấp IV thử nghiệm sử dụng các vật liệu có dùng đến tro bay, tro xỉ nhiệt điện và cát nhiễm mặn. - Đánh giá tác động môi trường của việc sử dụng phối hợp tro xỉ và cát nhiễm mặn để làm vật liệu đắp nền đường K95 và K98 và làm vật liệu bê tông mặt đường. 	<p>ứng dụng trong xây dựng các công trình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô hình 100 m đường thử nghiệm (tương đương đường cấp IV) sử dụng các vật liệu sử dụng phối hợp tro xỉ nhiệt điện và cát nhiễm mặn. - Bộ tiêu chuẩn cơ sở thiết kế, thi công, nghiệm thu các sản phẩm vật liệu đắp K95, vật liệu đắp K98, bê tông tro bay sử dụng phối hợp tro bay nhiệt điện Duyên Hải và cát nhiễm mặn Trà Vinh. - Báo cáo đánh giá tác động môi trường của vật liệu đắp nền đường K95, K98 và vật liệu bê tông tro bay mặt đường. 		
--	--	---	---	--	--